TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71**/2022/HS-ST
Ngày 24 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Ông Đặng Tấn Phước.

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án hân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 10 N1 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2022/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn H**, sinh năm 1982, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số X, tổ Y, ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Lê Văn T1, sinh N1 1950 và bà Đoàn Thị K, sinh năm 1956 (chết); chị, em có 03 người, bị cáo là người thứ hai; vợ Trần Thị Bé N1, sinh năm 1984; có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt.

2**. Đỗ Thanh N**, sinh năm 1984, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện tại: Ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn:

04/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Bửu Sơn Ký Hương; con ông Đỗ Văn H1 (chết) và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1939; chị em có 10 người, bị cáo là người thứ chín; vợ Nguyễn Thị D1, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt.

3**. Trần Thị Bé N1**, sinh năm 1984, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số X, tổ Y, ấp A, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Trần Khuông Đ1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Đ2, sinh N1 1954; chị em có 05 người, bị cáo là người thứ ba; chồng Lê Văn H, sinh N1 1982; có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thanh N*: Luật sư Lê H Tuấn – Văn phòng Luật sư Vinh Phú , thuộc Đoàn Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án*:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1970; Nơi ĐKHKTT: Phường Prek Prov, quận Prek Prov, thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia; Chỗ ở hiện nay: Khu vực Đảo Suối Nhím, ấp Tà Dơ, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Lê Thị S, sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: Phường Prek Prov, quận Prek Prov, thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia; Chỗ ở hiện nay: Khu vực Đảo Suối Nhím, ấp Tà Dơ, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Lê Thị D, sinh năm 2007; Nơi ĐKHKTT: Phường Prek Prov, quận Prek Prov, thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia; Chỗ ở hiện nay: Khu vực Đảo Suối Nhím, ấp Tà Dơ, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà Lê Thị L, sinh năm 2010; Nơi cư trú: Nơi ĐKHKTT: Phường Prek Prov, quận Prek Prov, thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia; Chỗ ở hiện nay: Khu vực Đảo Suối Nhím, ấp Tà Dơ, xã Tân Thành, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

6. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T, bà D1 có mặt; những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu về Việt Nam, khoảng 08 giờ ngày 15/5/2022, Lê Thị S nhờ N1 (người đàn ông ở gần nhà, tại phường Prek Prov, quận Prek Prov, thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia, không rõ nhân thân) tìm người đưa S cùng Lê Văn H và 02 con của H và S là Lê Thị D, Lê Thị L về Việt Nam. N1 cho S mượn điện Tại liên hệ với một người đàn ông (không rõ họ, tên, địa chỉ, nhân thân) và thỏa thuận để người này hướng dẫn gia đình S đến khu vực biên giới Campuchia - Việt Nam để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với tiền công là 5.000.000 đồng/04 người.

Khoảng 14 giờ ngày 15/5/2022, Bé (đang sống tại xã Prek Chey, huyện Kaoh Thum, tỉnh Kandal, Campuchia) điện Tại cho H kêu tổ chức cho 04 người trong gia đình của Lê Thị S cùng 01 xuồng gỗ, 01 vỏ lãi nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam với tiền công là 5.000.000 đồng. H rủ Đỗ Thanh N cùng tham gia và thỏa thuận chia tiền công cho N với số tiền 2.500.000 đồng thì N đồng ý. Sau đó, H gặp Trần Thị Bé N1 (vợ của H) cho biết việc H, N qua Campuchia nH đưa người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và kêu Bé N1 xuống bến sông sau nhà Nguyễn Thị T để đón người đưa đến nhà của Nguyễn Thị D1 (vợ của N) để nH tiền công 2.500.000 đồng.

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 16/5/2022, H kêu Bé N1 đi nH người nhập cảnh, sau đó H cùng N đến bến sông phía sau nhà của Nguyễn Thị T lấy xuồng của T điều khiển chở N sang bờ sông đối diện thuộc Vương quốc Campuchia gặp H, S, Lê Thị D và Lê Thị L. Sau đó H giao xuồng của T cho H điều khiển chở S, D, L chạy sang bờ sông Việt Nam, còn H điều khiển xuồng và N điều khiển vỏ lãi của H đến nhà của N.

Khi H điều khiển xuồng về đến bờ sông phía sau nhà của T thuộc ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú thì gặp Bé N1 và được Bé N1 dẫn cả 04 người đến nhà của Nguyễn Thị D1 (vợ của N). Tại đây, H nói với Bé N1 sẽ cùng với N điều khiển các phương tiện xuồng và vỏ lãi của H đến bến đò Đồng Ky và kêu Bé N1 chở 04 người này bằng đường bộ đến bến đò Đồng Ky để nH phương tiện. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, H, N điều khiển xuồng, vỏ lãi của H đến khu vực ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú thì bị lực lượng Đồn Biên phòng Phú Hữu phát hiện mời làm việc, H, N đầu thú hành vi tổ chức cho Lê Văn H, Lê Thị S, Lê Thị D, Lê Thị L nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam để hưởng lợi như nêu trên.

Ngày 24/5/2022 Lê Văn H và Đỗ Thanh N bị khởi tố điều tra.

Ngày 09/8/2022 Trần Thị Bé N1 bị khởi tố điều tra.

Cáo trạng số: 81/CT-VKSAG-P1 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Lê Văn H, Đỗ Thanh N, Trần Thị Bé N1 cùng về tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Lê Văn H khai: Trước đây đi làm thuê ở Campuchia, H quen người tên Bé. Ngày 15/5/2022 Bé điện Tại kêu H đưa 04 người cùng phương tiện từ Campuchia vào Việt Nam được trả công 5.000.000 đồng. Sau đó H rủ N và hứa chia cho N 2.500.000 đồng. Về nhà H nói lại với Bé N1 (vợ của H) và kêu Bé N1 xuống bến sông sau nhà bà T đón khách, dùng xe đưa đi đường bộ, còn H, N điều khiển phương tiện đi đường sông, gặp Nu ở bến đò Đồng ky, Quốc Thái.

Bị cáo Đỗ Thanh N khai: Khi H rủ N rước khách từ Campuchia về được chia 2.500.000 đồng thì N đồng ý. Hôm sau H, N bơi xuồng sang Campuchia. Khách bơi xuồng về Việt Nam, H điều khiển ghe, N điều khiển vỏ lãi đi đến xã Quốc Thái thì bị lực lượng Biên phòng bắt giữ.

Bị cáo Trần Thị Bé N1 khai: Khi H, N đưa 04 người khách vào Việt Nam, H kêu Bé N1 đưa khách đi bằng đường bộ, H, N đi đường sông gặp N tại Bến đò Đồng Ky. Bé N1 dẫn 04 người khách đến nhà D1 nhưng không cho D1 biết những người này từ Campuchia sang.

Nguyễn Thị T khai: T có 01 chiếc xuồng đậu ở bến sông sau nhà, T không biết việc H và N lấy xuồng làm phương tiện đưa người nhập cảnh trái phép, T yêu cầu nhận lại xuồng.

Nguyễn Thị D1 khai: Khoảng 04 giờ ngày 16/5/2022, Bé N1 có gọi điện Tại cho D1 nói có 04 người khách ghé nhà để đi Bến đò Đồng Ky. Sau đó, Bé N1 dẫn 04 người khách đến nhà của D1 nhưng Bé N1 không cho D1 biết 04 người này nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam.

Theo lời khai có trong hồ sơ, Lê Văn H, Lê Thị S, Lê Thị D, Lê Thị L trình bày phù hợp nội dung vụ án đã nêu trên. Những người này chưa trả tiền cho N và H.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát bổ sung quyết định truy tố về nhân thân, lý lịch của bị cáo Trần Thị Bé N1 và Lê văn H. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân từng bị cáo, đã đề nghị tuyên các bị cáo đồng phạm tội *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Lê Văn H từ 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù;

Đỗ Thanh N từ 01(một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù;

Trần Thị Bé N1 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Đề nghị áp dụng các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thanh N: Luật sư thống nhất tội danh, mức hình phạt mà vị Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét hoàn cảnh nhân thân các bị cáo đều thuộc thành phần lao động, ít hiểu biết pháp luật, tự đầu thú hành vi phạm tội, mới phạm tội lần đầu. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình và có con còn nhỏ. Các bị cáo cũng chưa nhận được tiền. đồng thời đề nghị xem xét vai trò của N và Bé N1 trong đồng phạm. Cả N và Bé N1 đều do H rủ rê, nên đề nghị xử phạt bị cáo N bằng với mức hình phạt thấp nhất của bị cáo Bé N1 mà Viện kiểm sát đề nghị.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nH thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Các bị cáo H, N xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Bé N1 xin hưởng án treo.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định là hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H, Lê Thị S, Lê Thị D, Lê Thị L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về việc vắng mặt của họ. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp lời khai những người tham gia tố tụng khác; phù hợp Biên bản sự việc ngày 16/5/2022 của Đồn Biên phòng

Phú Hữu; Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) ngày 17/5/2022; Biên bản nhận dạng ngày 18/5/2022 của Công an huyện An Phú; Biên bản kiểm tra điện Tại; Kết luận giám định số 168/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 17/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Ngày 16/5/2022, Lê Văn H, Đỗ Thanh N, Trần Thị Bé N1 có hành vi tổ chức cho Lê Văn H, Lê Thị S, Lê Thị D, Lê Thị L cùng xuồng, vỏ lãi từ Campuchia vào Việt Nam trái phép để hưởng lợi 5.000.000 đồng nhưng chưa nhận được tiền. Khi người và phương tiện đến khu vực ấp Quốc Phú, xã Quốc Thái, huyện An Phú thì bị lực lượng Biên phòng Đồn Biên phòng Phú Hữu phát hiện, lập biên bản. Các bị cáo là những người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đưa người nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo Lê Văn H, Đỗ Thanh N, Trần Thị Bé N1 theo Cáo trạng số 81/CT-VKSAG-P1 ngày 24 tháng 10 năm 2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính nói chung, lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của các bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng an toàn của cộng đồng.

[2.3] Đây là vụ án có đồng phạm, là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo là bạn bè, người thân trong gia đình, cùng vì mục đích vụ lợi, câu kết nhau cùng thực hiện hành vi tổ chức đưa người khác từ Campuchia vào Việt Nam trái phép. Trong đó, H là người trực tiếp móc nối, rủ rê, lôi kéo N và Bé N1 cùng thực hiện, cùng hưởng lợi. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do các bị cáo không có việc làm ổn định; ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người nhập cảnh trái phép tốn ít công nhưng thu được nhiều tiền. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì lợi ích khác.

[2.4] Bên cạnh hành vi phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"* của các bị cáo còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong nhân dân. Trong vụ án này, những người mà các bị cáo tổ chức nhập cánh từ Campuchia vào Việt Nam trái phép là những người trong gia đình, mang theo phương tiện có ý định trở về Việt Nam sinh sống. Những người này đã được lực lượng chức năng tuyên truyền, giáo dục trở lại Campuchia.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng tặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo mới phạm tội lần đầu, thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, là lao động chính trong gia đình, chưa nhau được tiền, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo H, là người trực tiếp móc nối, rủ rê, lôi kéo bị cáo N và bị cáo Bé N1. Do đó, hình phạt áp dụng đối với bị cáo H là cao hơn so bị cáo N và bị cáo Bé N1.

Đối với bị cáo N và bị cáo Bé N1 đều là người bị rủ rê. Tuy nhiên, bị cáo N là người thực hiện tích cực trong đồng phạm. Bị cáo N cùng bị cáo H bàn cách thực hiện, trực tiếp sang Capuchia đón khách, trực tiếp điều khiển phương tiện của khách nhằm trốn tránh kiểm soát của cơ quan chức năng; bị cáo Bé N1 là vợ bị cáo H, nghe theo sự sắp đặt của bị cáo H. Do đó hình phạt áp dụng đối với bị cáo N là cao hơn so bị cáo bị cáo Bé N1

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Vị đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo để các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với Lê Văn H, Lê Thị S, Lê Thị D có hành vi nhập cảnh trái phép nhưng chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, mà xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định. Đối với Lê Thị L (sinh năm 2010), chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính, nên không đề nghị xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thị T: D1 không biết H, N, Bé N1 tổ chức cho H, S, D, L nhập cảnh trái phép từ Campuchia vào Việt Nam và T không biết H và N lấy xuồng gỗ của T để thực hiện hành vi phạm tội, nên không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với D1 và T là có căn cứ.

Đối với người tên Bé, N1 và người đàn ông liên hệ đưa H, S, D, L gặp H, N nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật. Do những người này đang cư trú tại

Campuchia và không rõ họ, tên nên chưa thể tiến hành xác minh, làm rõ. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[6.1] Về biện pháp tư pháp: Do các bị cáo chưa nhận được tiền nên không buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính.

[6.2] Về xử lý vật chứng:

Đối với xuồng gỗ đặt máy hiệu Yamaha, vỏ lãi đặt máy hiệu Hyundai là tài sản của Lê Văn H và Lê Thị S, không liên quan tội phạm. Các tài sản này cũng là phương tiện sinh sống của gia đình H và S, nên Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại cho H và S là phù hợp quy định.

- Đối với xuồng gỗ các bị cáo sử dụng làm phương tiện tổ chức cho người khác nhập cảnh là tang vật của vụ án, lẽ ra tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, qua trình điều tra xác định được xuồng gỗ là của bà Nguyễn Thị T, việc các bị cáo sử dụng xuồng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà T không biết, nên trả lại cho bà T.

- Đối với các điện Tại thu giữ của Lê Thị S, Nguyễn Thị D1, xét không liên quan tội phạm nên trả lại cho S và D1.

- Đối với các điện Tại thu giữ của các bị cáo Lê Văn H, Đỗ Thanh N, Trần Thị Bé N1. Quá trình điều tra xác định được các bị cáo đã sử dụng các điện Tại này làm phương tiện liên lạc tổ chức cho người khác nhập cảnh, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Đỗ Thanh N, Trần Thị Bé N1 đồng phạm tội *"Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép"*.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình,

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/5/2022 *(Ngày mười sáu tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).*

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17,58; Điều 38 của Bộ luật Hình,

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/5/2022 *(Ngày mười sáu tháng năm năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)*.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình,

Xử phạt bị cáo Trần Thị Bé N1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước,

+ 01 (một) điện Tại di động hiệu Vivo, màu đen, số IMEl 1: 867761049733735, IMEL 2: 867761049733727 kèm 2 sim số +855883267674 và 0366909444 của Lê Văn H;

+ 01 (một) điện Tại di động hiệu OPPO, màu đen, số IMEL 1: 866988040281452, số IMEL 2: 866988040281445 kèm sim số 0785881739 của Đỗ Thanh N;

+ 01 (một) điện Tại di động hiệu Nokia, màu đen, số IMEL1: 353147114739891, số IMEl 2: 353147114739896 kèm sim số 0369994840 của Trần Thị Bé N1.

- Tuyên trả lại cho,

+ Lê Thị S 01 (một) điện Tại di động hiệu OPPO A16K, màu đen, số IMEL 1: 868289058447533, số IMEL 2: 868289058447525 kèm 2 sim số 0365752873 và +0855712497009;

+ Nguyễn Thị D1 01 (một) điện Tại di động hiệu OPPO A16K, màu đen, số IMEL 1: 868298058562356, số IMEL 2: 868298058562349 kèm sim số 0339238874;

+ Nguyễn Thị T 01 (một) xuồng gỗ bên ngoài sơn màu xanh, chiều dài 5.45m, chiếu rộng 0.9m (Xuồng gỗ hiện do Đồn Biên phòng Phú Hữu quản lý).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2022 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đỗ Thanh N phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Thị Bé N1 phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Lê Văn H, Đỗ Thanh N, Trần Thị Bé N1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D1. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo và bà T, bà D1 là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/11/2022).

Thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam (2);
- Phòng hồ sơ, CQĐT (2);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (3);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (6);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Sáu